

Bản án số: 779/2022/HS-PT

Ngày: 14 - 10 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Minh Thịnh

Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 11 đến ngày 14 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 357/2022/TLPT-HS ngày 08-6-2022 đối với các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Đoàn Gia Hải T, Mai Thế C, Trần Ngọc T1, Trần Quang K do có kháng cáo của các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Đoàn Gia Hải T, Mai Thế C, Trần Ngọc T1, Trần Quang K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Tiểu Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2022/HSST ngày 25-4-2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 623/2022/QĐXXPT-HS ngày 21-9-2022

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trịnh Minh V** (Hiếu), sinh năm 1995, tại tỉnh Tiền Giang. NĐKHKTT: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 14/41 đường 359, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H và bà Phùng Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2019, có mặt.

2. **Trương Kim P**; sinh năm 1997, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. NĐKHKTT: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Số 263/30 N, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Gregory James P (không rõ lai lịch) và bà Trương Thị Thanh T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2019, có mặt.

3. **Đoàn Gia Hải T**, sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh. NĐKHKTT: Số 121 Đ, Khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 78A H, Khu phố 1, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Gia T và bà Phạm Huyền N: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2019, có mặt.

4. **Mai Thế C**, sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Phước. NĐKHKTT: Thôn 8, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Số 298 N, Phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2019, có mặt.

5. **Trần Ngọc T1**; sinh năm 1993, tại tỉnh Bình Định. NĐKHKTT: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: Số 75/5 đường số 18, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Lê Thị Thu N: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2019, có mặt.

6. **Trần Quang K**, sinh năm 2000, tại tỉnh Tây Ninh. NĐKHKTT: Số 25, tổ 17, Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Số 58 X, Phường Z, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn R và bà Trịnh Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 23-11-2019, có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1/ Luật sư Trịnh Duy T - Luật sư của Văn phòng Luật sư HL Nghi Xuân, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trịnh Minh V, có mặt.

2/ Luật sư Hà Ngọc T - Luật sư của Văn phòng Luật sư Hà T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trương Kim P theo chỉ định, có mặt.

3/ Ông Hoàng Cao S là Luật sư của Công ty Luật TNHH Hoàng Việt Luật, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Đoàn Gia Hải T, có mặt.

4/ Ông Phạm Nguyên P là Luật sư của Công ty Luật TNHH Tư vấn và

Tranh tụng Quốc tế Việt Nam (SBVN), thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Mai Thế C, có mặt.

5/ Ông Vũ Quang Đ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Vũ Quang Đ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T1, có mặt.

6/ Ông Vũ Thanh H - Luật sư của Văn phòng Luật sư Vũ Thanh H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo T1 theo chỉ định, có mặt.

7. Ông Ngô Trọng H - Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật Hoàng và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Trần Quang K, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Tiểu Đ xin lại chiếc xe Sonic biển số 62 P1-867.89 (số cũ: 68 X1-438.03). HKTT: 91/28/2 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: 862/116/11CX Lê Đ, Phường 15, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 2 năm 2014, bị cáo Trịnh Minh V đi nghĩa vụ công an, được biên chế vào tiểu đoàn 1, đội Cảnh sát cơ động Công an Thành phố Hồ Chí Minh và đến ngày 19-2-2017 thì bị cáo xuất ngũ. Sau khi xuất ngũ, bị cáo thuê nhà số 1441 đường 359, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh để bán thức ăn vật nuôi và trong thời gian này bị cáo có ý tưởng thành lập băng nhóm giả làm Cảnh sát hình sự, tìm những người bán xe không có nguồn gốc, giấy tờ để khống chế và chiếm đoạt xe của họ. Khoảng tháng 5 năm 2017, bị cáo làm quen với bị cáo Mai Thế C và bị cáo Trần Quang K, thường xuyên uống café với nhau, qua đó rủ Công và Khang giả làm cảnh sát hình sự đi bắt người bán xe không có giấy tờ, để chiếm đoạt xe. Bị cáo V lên mạng Internet tìm thuê người làm giả Giấy chứng minh Công an nhân dân, đặt làm bảng tên mang tên Trịnh Minh V, cấp hàm thiếu úy, mua trang phục ngành Công an; mua 02 khẩu súng bắn đạn cao su cùng một số viên đạn và 03 còng tay số 8. Bị cáo V phân công bị cáo C và bị cáo K lên mạng Internet tìm người rao bán xe không giấy tờ, giả vờ làm người mua xe, hẹn họ mang xe đến địa điểm nào đó, rồi báo lại để bị cáo bố trí đi bắt. Khi tiếp cận người bán xe thì Bị cáo V sử dụng súng, xuất trình Giấy chứng minh công an nhân dân làm giả và tự xưng là cảnh sát hình sự thi hành nhiệm vụ, còn bị cáo C và bị cáo K dùng công cụ hỗ trợ, khống chế người bán xe để chiếm đoạt xe. Với thủ đoạn trên, Bị cáo V cùng bị cáo C và bị cáo K đã chiếm đoạt được chiếc xe Vario tại Siêu thị Big C, thị xã D, tỉnh Bình Dương vào tháng 5 năm 2019. Sau đó Bị cáo V rủ thêm các bị cáo Đoàn Gia Hải T, Trương Kim P và Trần Ngọc T1 tham gia vào băng nhóm, đưa vào Group Zalo lấy tên “Nhóm Biệt kích chuột lang”, rồi mua thêm 03 máy bộ đàm, 02 cây dùi cui điện, 02 cây dũ 3 khúc và 01 nắm đấm bằng kim loại để trang bị cho băng nhóm. Mỗi lần đi cướp tài sản, Bị cáo V chia các bị cáo làm 03 nhóm nhỏ, cụ thể như sau:

- Nhóm 1 gồm Trịnh Minh V và Mai Thế C đi chung một xe mô tô, V sẽ trực tiếp mang theo khẩu súng, Giấy chứng minh Công an nhân dân làm giả và tự xưng chức danh là Đội trưởng, còn Công thì mang theo 01 còng tay và 01 máy bộ đàm. Trong lúc Trương Kim P và Đoàn Gia Hải T đang giả vờ xem xe và trả giá thì nhóm V và C chạy xe mô-tô đến chặn đầu, ép xe vào người bán xe, nếu người bán xe chống cự thì V và C dùng còng số 8 khóa tay lại.

- Nhóm 2 gồm Trương Kim P và Đoàn Gia Hải T, có nhiệm vụ lên LC mạng xã hội tìm người rao bán xe không rõ nguồn gốc, rồi hẹn họ mang xe đến 200 địa điểm chọn sẵn để tiến hành giao dịch. P và T đi chung 1 xe, mang theo 01 còng số 8 và 01 bộ đàm đến địa điểm đã hẹn, giả vờ xem xe để giữ chân người bán xe, chờ đồng bọn đến phối hợp chiếm đoạt xe của người bán. Sau khi chiếm đoạt được xe thì T có nhiệm vụ lấy xe mang về nhà V cất giấu, sau đó tìm nơi tiêu thụ.

- Nhóm 3 gồm Trần Ngọc T1 và Trần Quang K đi chung một xe, mang theo một còng số 8 và 01 bộ đàm để liên lạc với nhau, có nhiệm vụ chặn phía sau người bán xe và hỗ trợ cho đồng bọn khi người bán xe chống trả.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2019 đến ngày bị bắt, ngày 20-11-2019 thì Trịnh Minh V cùng đồng phạm đã thực hiện khoảng 23 đến 25 vụ cướp và tài sản cướp được đều là xe gắn máy các loại. Bị cáo V đã bán xe khoảng 16 đến 19 chiếc với số tiền là 328.500.000 đồng, còn lại 6 chiếc gắn các biển số 60B4-743.39, 59F1-362.01, 63B7-326.65, 36B6-002.05, 50N1-468,14 và 62P1 - 867.89 để tại nhà của Bị cáo V. Sau khi bị phát hiện thì bị cáo Trịnh Minh V đã mang 6 chiếc xe trên đến Công an phường P, Quận 9, nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh giao nộp. Kết quả điều tra xác định 6 chiếc xe mà Bị cáo V mang đến giao nộp đều là xe mà Bị cáo V cùng đồng phạm đã cướp được trong khoảng thời gian từ tháng 09/2019 đến ngày 20-11-2019, cụ thể như sau:

1/ Vụ cướp chiếc xe Honda SH 2018, gắn biển số 60B4-743.39:

Khoảng đầu tháng 09/2019 không rõ ngày, thông qua mạng xã hội, Trương Kim P biết một thanh niên không rõ lai lịch rao bán một xe Honda SH 2018 gắn biển số 60B4-743.39 nên đã liên hệ và hẹn người thanh niên này đem xe đến trước cổng trường Đại học Hutech, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để mua. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Phát cùng Trần Ngọc T1, Đoàn Gia Hải T, Trần Quang K tập trung tại nhà trọ của Trịnh Minh V, tại số 14/14 đường 359, phường P, Quận X để đi. Khi đi V chở C bằng xe gắn máy hiệu Lead biển số 59V1-745.92 của chị Trịnh Minh T2 cho V mượn, T chở P bằng xe gắn máy hiệu Air Blade biển số 54T2 1400 của P, còn T1 đi xe gắn máy hiệu Wave biển số 5901-216.80 của ông Phạm Cao H cho T mượn (T thay biển số giả 69L1-103.34) chở K. Khi gặp người thanh niên bán xe thì cả nhóm xưng là Cảnh sát Hình sự, khống chế người thanh niên này và chiếm đoạt chiếc xe đem về nhà của V cất giấu và sau đó V đã đưa cho mỗi người tham gia 500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe trên và đăng tin tìm đối tượng bán xe gắn máy, nhưng chưa có kết quả.

Qua xác minh, chiếc xe mô tô trên có biển số thật là 50N1-601.65, là xe của

anh Phạm Ngọc H, trú tại số 754/67 T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị mất trộm tại nhà. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Phạm Ngọc H.

Tại Bản định giá tài sản số 2951/KL-HĐĐGTS ngày 21-5-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chiếc xe mô tô Honda SH 2018, gắn biển số 60B4-743.39, có giá trị là 72.041.667 đồng.

2/ Vụ cướp chiếc xe Honda SH 125, gắn biển số 59F1-362.01: Đầu tháng 11/2019 (không rõ ngày), khoảng 21 giờ, Trương Kim P lên mạng xã hội thấy có người thanh niên chưa xác định được lại lịch rao bán xe gắn máy hiệu Honda SH 125, biển số 59F1-362.01 không có giấy tờ. P hẹn người thanh niên này đem xe đến dưới trụ cầu đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành, gần khu vực S, Quận X, nay là thành phố T để mua. Sau đó, Phát cùng Mai Thế C, Trần Ngọc T1 và Đoàn Gia Hải T tập trung tại nhà trọ của Trịnh Minh V, rồi cả nhóm đi bằng xe mô tô và mang theo các công cụ hỗ trợ đến điểm hẹn. Khi gặp người thanh niên bán xe các bị cáo xưng là Cảnh sát Hình sự, dùng còng số 8 khóa tay người thanh niên này lại và chiếm đoạt chiếc xe. Sau khi lấy được chiếc xe thì T đem về nhà của V cất giấu và V đã đưa cho P, T1, C và T, mỗi người 500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe trên và đăng tin tìm đối tượng bán xe gắn máy nhưng chưa có kết quả. Qua xác minh, chiếc xe trên do bà Đinh Kim T trú tại số 220/53 L, Phường 14, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký xe. Bà T đã bán chiếc xe trên bằng giấy viết tay cho một người mua bán xe tại Quận Y vào năm 2014.

Tại Bản định giá tài sản số 2949/KL-HĐĐGTS ngày 21-5-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chiếc xe gắn máy hiệu SH 125 biển số 59F1-362.01 có giá trị 53.675.000 đồng.

3/ Vụ cướp chiếc xe Honda Winner gắn biển số 63B7-326.65:

Khoảng 12 giờ ngày 08-11-2019, Trương Kim P lên mạng xã hội biết anh Nguyễn Văn B rao bán một xe gắn máy hiệu Honda Winner màu xanh, biển số 63B7-326.65 không có giấy tờ và P hẹn anh B khoảng 20 giờ đem xe đến chân cầu P, Quận Z, nay là Thành phố T để mua. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, V chở C bằng xe gắn máy hiệu Lead biển số 59V1 745.92, T chở P bằng xe gắn máy Air Blade biển số 54T2-1400, còn T1 một mình chạy xe gắn máy hiệu Wave biển số 5901-216.80 đến điểm hẹn gặp anh B. Trong lúc P giả vờ xem xe thì V chở C chạy đến chặn đầu, T1 chạy đến chặn đuôi xe của anh B. T1 dùng còng số 8 khóa tay anh B ra phía sau, V tự xưng là Cảnh sát Hình sự và hỏi anh B nguồn gốc xe máy, rồi không chừa đưa anh B lên xe của V và cho C ngồi sau giữ anh B, còn T thì lấy xe của anh B chạy thẳng về nhà trọ của V cất giấu. V và C tiếp tục đe dọa và yêu cầu anh B đưa 7.000.000 đồng thì mới thả, nhưng anh B nói không có tiền. C lấy thẻ ATM trong bóp của anh B ra và hỏi mật khẩu, rồi đưa thẻ ATM cho P để P đi rút tiền. P chạy đến trụ ATM của Ngân hàng Á

Châu, tại Quận K rút 7.000.000 đồng rồi quay lại A292 trả thẻ ATM cho anh B. V đã đưa cho P, C, T, T1 mỗi người 500.000 đồng, còn P lên mạng xã hội rao bán chiếc xe trên nhưng chưa bán được.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe gắn biển số 63B7-326.65. Qua xác minh, chiếc xe này do anh Huỳnh Nguyễn Minh T trú tại xóm L, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang đứng tên đăng ký xe, nhưng hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai để làm rõ tình trạng chiếc xe gắn máy trên.

Tại Bản định giá tài sản số 2427/KL-HĐĐGTS ngày 29-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chiếc xe Winner biển số 63B7-326.65 có giá trị 25.175.000 đồng.

4/ Vụ cướp chiếc xe hiệu Winner màu cam, gắn biển số 36B6-002.05: Khoảng 11 giờ ngày 11-11-2019, Trương Kim P lên mạng xã hội biết anh Nguyễn Văn N rao bán một xe gắn máy hiệu Winner màu cam, biển số 36B6-002.05 không chính chủ. P hẹn anh N đem xe đến dưới trụ cầu đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành, gần khu vực S, Quận X, nay là thành phố T để mua. Đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, P cùng Trịnh Minh V, Mai Thế C, Đoàn Gia Hải T và Trần Ngọc T1 đi xe mô tô đến điểm hẹn. Khi gặp anh N thì T và P liền bước xuống không chế, còng tay anh N đưa lên xe của V và Công ngồi sau canh giữ để V chở đi. T1 xuống xe không chế và dùng còng số 8 còng tay anh Nguyễn Văn H là bạn của anh N đi cùng với anh N bằng chiếc xe gắn máy hiệu Sirius. Còn T thì lấy chiếc xe gắn máy hiệu Winner biển số 36B6-002.05 của anh N chạy về nhà của V cất giấu. Sau đó V, C và T1 trả xe Sirius cho anh H và thả anh N xuống, rồi cùng nhau tẩu thoát. V đã đưa cho P, C, T, T1, mỗi người 500.000 đồng, còn P lên mạng xã hội rao bán chiếc xe trên nhưng chưa bán được.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe trên. Qua xác minh, chiếc xe gắn máy trên do chị Chu Thị B trú tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa đứng tên đăng ký xe, nhưng hiện nay chị B không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai để làm rõ tình trạng chiếc xe gắn máy trên.

Tại Bản định giá tài sản số 2429/KL-HĐĐGTS ngày 29-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Xe gắn máy hiệu Winner biển số 36B6-002.05 có giá trị 25.175.000 đồng.

5/ Vụ cướp chiếc xe hiệu Air Blade, gắn biển số 50N1-46814: Khoảng 22 giờ ngày 13-11-2019, Trương Kim P lên mạng xã hội biết có một người thanh niên chưa xác định được lai lịch có nhu cầu bán một xe gắn máy hiệu Air Blade biển số 50N1-468.14 không chính chủ, P hẹn người này đem xe đến tại đường P, Quận X, nay là thành phố T để mua. Sau đó, V chở C bằng xe gắn máy hiệu Lead biển số 59V1 745.92, T chở P bằng xe gắn máy Air Blade biển số 54T2-1400, còn T1 đi xe gắn máy hiệu Wave biển số 59X1-216.80 (đã thay biển số giả 69L1-103.34) đến điểm hẹn trên. Khi gặp người thanh niên bán xe thì V và đồng bọn xưng là Cảnh sát Hình sự, cùng nhau không chế và dùng còng số 8

khóa tay người thanh niên này và chiếm đoạt chiếc xe trên đem về nhà của V cất giấu. V đã đưa cho P, C, T, T1 mỗi người 200.000 đồng.

Qua xác minh, chiếc xe mô tô trên của anh Lê Thanh H bị mất trộm tại quán cà phê số 148 Hiền V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh H.

Tại Bản định giá tài sản số 4951KL-HĐĐGTS ngày 31-7-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chiếc xe gắn máy trên có giá trị là 32.000.000 đồng.

6/ Vụ cướp chiếc xe gắn máy hiệu Sonic, gắn biển số 62P1-867.89: Khoảng trưa ngày 15-11-2019, Trương Kim P lên mạng xã hội biết chị Nguyễn Kim T có bán một xe gắn máy hiệu Sonic, biển số 62P1-867.89 không chính chủ, P hẹn chị T đến khu vực Siêu thị Big C, tại phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương để mua. Khoảng 20 giờ 15 cùng ngày, P cùng Mai Thế C, Đoàn Gia Hải T tập trung tại nhà của V, rồi đến đường số 18, phường L, quận T gặp Trần Duy N và Lê Chí T2 là bạn của T1, nói V là Cảnh sát hình sự cần cả hai đi hỗ trợ bắt giữ tội phạm thì N và T2 đồng ý. Sau đó, V đi xe gắn máy hiệu Lead biển số 59V1-745.92 chở T2, C đi xe gắn máy hiệu Wave biển số 5901-216.80 chở N và T đi xe gắn máy hiệu Air Blade biển số 54T2-1400 chở P đến Siêu thị Big C. Khi thấy anh Nguyễn Trung K chở mẹ con chị T thì V xông đến khống chế, dùng cùng khóa tay và đưa anh K lên xe để C ngồi sau canh giữ để chở đi; P thì khống chế và đưa mẹ con chị T lên xe cho T2 chở đi, còn T thì lấy chiếc xe Sonic của chị T chạy thẳng về nhà của V cất giấu. V, C, P và T2 chở anh K, chị T và cháu bé đến gần khu vực ngã tư T, Thành phố Hồ Chí Minh thì thả xuống đường. Sau đó, V đã đưa cho P, C, T, T1 mỗi người 200.000 đồng, còn T2 và N mỗi người 250.000 đồng. P lên mạng xã hội rao bán chiếc xe trên, nhưng chưa bán được.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe trên. Qua xác minh, chiếc xe gắn máy trên do anh Mai Tiểu Đ trú tại số 91/28/9 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đứng tên đăng ký xe, nhưng hiện nay anh Đ không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai để làm rõ tình trạng chiếc xe gắn máy trên.

Tại Bản định giá tài sản số 3521/KL-HĐĐGTS ngày 03-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chiếc xe gắn máy hiệu Sonic biển số 62P1-86789 có giá trị 47.310.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: - 01 khẩu súng Rulo ổ quay màu đen, số hiệu 19TH0864. - 06 viên đạn, đầu đạn bằng cao su màu đen (có ký hiệu OZK 9MM PA).

- 14 viên đạn loại bắn đạn cao su. - 03 vỏ đạn (02 vỏ hiệu OZK 9mm PA và 01 vỏ đạn hiệu PG 10x22T). - 100 viên bi sắt màu trắng.

- 02 cây dùi cui điện mang ký hiệu 928 TYPE loại 50.000K Volt;

Hai (02) cây dùi cui điện mang ký hiệu 928 TYPE loại 60.000K Volt.

- 01 đèn pin chích điện mang ký hiệu X-Men, HY-T10. - 03 máy bộ đàm

hiệu MOTOROLA. - 02 cây gậy dũa ba khúc dài 60cm, cán nhựa màu đen. - 03 còng tay số 8 ghi tên Bộ Công an. - 01 nắm đấm bằng kim loại.

- 01 nón kết bị Công an; 01 bộ quần áo Công an mang quân hàm cấp quân hàm thượng sỹ; 02 đôi giày ngành Công an.

- 01 điện thoại Nokia 6300, Số seri: 356960010681976 (không kiểm tra được số seri do không có nguồn điện, số imei: 356415/02/130782/7, bung nút).

- 01 điện thoại di động Iphone, số imei: 353045097574832 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, số imei khay sim 353045097574832).

- 01 điện thoại di động Iphone, số imei: 013335006842053; (lưng bể màn bẻ).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số imei: 355079085240617/01; (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện; thực nhận 01 điện thoại hiệu Samsung, model SM-G570Y; số imei sau lưng máy : 355079085240617).

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số imei: 354849047440559 18 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, ghi nhận thực tế số imei 354849047440559).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung số imei 359046/08/135897/0 bị bể màn hình.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung số imei 358218099738763. - 01 điện thoại di động hiệu Vivo, không rõ số imei.

- 01 điện thoại di động Iphone số imei: 353288075531636; (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện; imei khay sim: ...2489).

- 01 điện thoại di động Vsmart số imei: 35674100926998 (model V220A).

- 01 điện thoại di động xiaomi số imei: 862643046123935; (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện: model M1901F7G).

- Chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda; số loại: Lead; biển số 59V1-745,92; dung tích xilanh 124; số khung RLHJF4504DY003963; số máy JF45E0005991 là xe của chị Trịnh Minh T (Chị bị cáo Trịnh Minh V) cho Bị cáo V mượn để đi lại.

- Chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu Honda; số loại: Air Blade; biển số 54T2-1400; dung tích xi lanh 108; Số khung RLHJF18027Y549479; Số máy JF18E-5049503 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) là xe của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ L đứng tên, nhưng hiện nay Công ty này đã giải thể. Bị cáo Trương Kim P khai mua chiếc xe này, nhưng không có giấy tờ chứng minh.

- Chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu không rõ; số loại: Wave; biển số 69L1 103.34; dung tích xilanh 109; Số khung: RLHJC5226-CY609316; số máy: JC52E-5021569 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra. Xe trên có biển số là 5901-216.80, là xe của ông Phạm Cao H (Ông ngoại của bị cáo T) cho bị cáo T mượn để đi học. Bị cáo T quản lý chiếc xe này và gắn biển

số xe 69L1-103.34 để sử dụng đi cướp tài sản.

- Chiếc xe hai bánh gắn máy màu đỏ; Nhãn hiệu: không rõ; Số loại: Wave; Dung tích xilanh không rõ, biển số 70KB-0273; số khung: VHMDCB 044UM006328; số máy: VHMCT50-026328 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) là xe của bà Trịnh Thị N (Mẹ của bị cáo K) giao cho bị cáo K làm phương tiện đi học.

- Chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Yamaha; số loại: Sirius; dung tích xi lanh không rõ; biển số 59X1-604.65; số khung RLCS5C6J0-FY150258; số máy: 5C6J-150263 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) là xe của Đoàn Gia T (Cha của bị cáo T), giao cho con Đoàn Gia Hải T dùng làm phương tiện đi học.

- Chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; số loại: Winner; dung tích xilanh 149,1; biển số: 36B6-002.05; Số khung: RLHKC2603GY062166; Số máy KC261099087 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) là xe mà các bị cáo cướp từ tay anh Nguyễn Văn N. Anh N khai chiếc xe này của anh mua nhưng không có giấy tờ để chứng minh.

- Chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; số loại: Winner; dung tích xilanh 149; biển số: 63B7-326.65; số khung: RLHKC2604GY032612; số máy KC26E1054144 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) mà các bị cáo cướp từ tay anh Nguyễn Văn B. Anh B chiếc xe này của anh mua, nhưng không có giấy tờ để chứng minh.

Chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; số loại: Sonic 150R, dung tích xilanh 149, biển số 62P1-867.89; số khung MH1KB1114HK133788, số máy KB11E-1133343 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) mà các bị cáo cướp từ tay bà Nguyễn Kim T. Bà T khai chiếc xe này của bà mua nhưng không có giấy tờ để chứng minh.

- Chiếc xe hai bánh gắn máy màu trắng đen; Nhãn hiệu, Honda; Số loại: SH 125i; Dung tích xilanh 124; Biển số 59F1-362.01; Số khung: RLHJF 4219DY009299; Số máy JF42E-0009329 (không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra) mà các bị cáo cướp từ tay người thanh niên không rõ lai lịch. Xe này của bà Đinh Kim T, nhưng bà T đã bán cho người khác.

- 01 áo khoác hiệu Go Việt.

- 01 biển số xe 7991-268.97; 01 biển số xe 59x1-216.80; 01 biển số xe 59X2-573.50 và 01 biển số xe 60B4-743.39.

- 01 con dấu tên Thượng tá Tạ Văn Đ. – 02 dây tai nghe.

* Tại Bản kết luận giám định số 252/K GD-TT ngày 11-02-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Giấy chứng minh Công an nhân dân số hiệu: 292-176 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26-4-2018, bằng tên Công an nhân dân tên Trịnh Minh V, số hiệu 292-176 là giả.

* Tại Bản giám định số 255/KLGD-X (3) ngày 20-02-2020 của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 khẩu súng Rulo ổ quay màu đen (số hiệu 19TH0864); 20 viên đạn, đầu đạn bằng cao su màu đen (có ký hiệu OZK 9mm PA); 03 vỏ đạn, 02 vỏ hiệu OZK 9mm PA và 01 vỏ đạn (hiệu PG 10x22T); 02 cây gậy dũa ba khúc bằng kim loại; 03 còng tay số 8 và 05 dụng cụ phóng điện thuộc nhóm công cụ hỗ trợ.

- 100 viên bi sắt màu trắng có đường kính 5,6mm, trọng lượng 0,96g viên có thể sử dụng cho một số loại súng có cỡ nòng từ 5,6mm đến 6mm thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm bị cấm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2022/HS-ST ngày 25-4-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Mai Thế C, Trần Ngọc T1, Trần Quang K phạm tội “Cướp tài sản”. Bị cáo Trịnh Minh V phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, điểm b khoản 3 Điều 341, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1/ Xử phạt Trịnh Minh V 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 4 (Bốn năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc Bị cáo V phải chấp hành một hình phạt chung của 2 tội là 24 (Hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-11-2019.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Mai Thế C và bị cáo Trần Ngọc T1 còn được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

2/ Xử phạt Trương Kim P 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 23-11-2019.

3/ Xử phạt Đoàn Gia Hải T 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 23-11-2019.

4/ Xử phạt Mai Thế C 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 23-11-2019.

5/ Xử phạt Trần Ngọc T1 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 23-11-2019.

6/ Xử phạt Trần Quang K 07 (Bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 23-11-2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Đoàn Gia Hải T, Mai Thế C, Trần Ngọc T1, Trần Quang K đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23-6-2022, người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Mai Tiểu Đ

kháng cáo về phân tài sản đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Mai Tiểu Đ rút đơn kháng cáo. Lời khai của các bị cáo cho rằng chưa nhận được bản án sơ thẩm. Quan điểm của các bị cáo và Luật sư bào chữa cho các bị cáo Mai Thế C, Trương Kim P và Trần Ngọc T1, Trần Quang K đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, vì: Các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh không ban hành Cáo trạng mới; lời khai chưa được đối chất, chưa làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo về 03/06 chiếc xe; có quan điểm cho rằng bị cáo Trương Kim P có dấu hiệu phạm tội “Cuồng đoạt tài sản”, chứ không phạm tội “Cướp tài sản” như cáo trạng, bản án sơ thẩm nhận định; không thông báo kết quả định giá tài sản; định giá tài sản cao hơn thực tế; Biên bản ghi lời khai còn trùng lặp thời gian; có “xóa”, viết chèn nội dung không đúng là vi phạm Điều 184, 222, 246 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo Trịnh Minh V, Đoàn Gia Hải T và Luật sư bào chữa cho 02 bị cáo này cho rằng bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả là chứng cứ mới đề nghị xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Trịnh Minh V và Đoàn Gia Hải T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và kết luận: Về tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng có thiếu sót khi không ghi cụ thể về căn cứ, điểm, điều khoản đối với Kết luận điều tra, điều tra bổ sung, Cáo trạng và nhận định bản án sơ thẩm nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi lẽ, về nội dung thì lời khai của các bị cáo tại các bản khai ban đầu đều khai rõ chiếm đoạt từng chiếc xe, từng vị trí; bị cáo đều thừa nhận không bị ép cung, nhục hình. Chỉ khi có Luật sư tham gia thì các bị cáo thay đổi lời khai không nhận tội đối với 03/06 chiếc xe. Mặt khác, lời khai của một số Luật sư cũng thừa nhận các bị cáo thực hiện tội phạm nơi vắng vẻ và tham gia chiếm đoạt chiếc xe với số đông nên buộc người bán xe không có giấy tờ phải làm theo “lệnh” của các bị cáo. Hơn nữa, các bị cáo không được Cơ quan Công an tuyển dụng nhưng vẫn tham gia thực hiện tội phạm và nhận tiền sau khi bán được xe. Việc các bị cáo khai không biết Trịnh Minh V là cảnh sát hình sự giả nên đi theo hỗ trợ là không thuyết phục. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Minh V, Mai Thế C, Trương Kim P và Trần Ngọc T1, Trần Quang K. Riêng bị cáo Đoàn Gia Hải T xuất trình chứng cứ mới khắc phục hậu quả cho đương sự đề nghị Hội đồng xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Mai Tiểu Đ tự nguyện rút đơn kháng cáo (01 chiếc xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; số loại: Sonic 150R; dung tích xi lanh 149; biển số 62 P1-867.89 (số cũ: 68X1-438.03); số khung MH1KB1114HK133788; số máy KB11E-1133343. Mã số: XMAY7/002BB/2021). Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Mai Tiểu Đ.

[2] Lời khai của các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Đoàn Gia Hải T, Mai Thế C, Trần Ngọc T1, Trần Quang K cho rằng chưa nhận được bản án sơ thẩm. Xét, qua kiểm tra tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện các bị cáo đã nhận được bản án sơ thẩm. Đây là thiếu sót, vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì các bị cáo đã được nghe đọc tuyên án tại phiên tòa sơ thẩm và đã thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn thiếu sót về tố tụng như không ghi rõ điểm, điều khoản đối với việc ban hành Kết luận điều tra, điều tra bổ sung, Cáo trạng, lời khai còn trùng lặp thời gian. Do đó, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trương Kim P, Mai Thế C, Trần Ngọc T1 và Trần Quang K đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì cho rằng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa có cơ sở kết tội các bị cáo này đối với 03/6 chiếc xe giao nộp cho Công an, gồm: Xe mô tô SH 60B4-743.39, xe SH125 biển số 59F1-362.01 và Airblade 50N1-468.14, mà cho rằng những chiếc xe này do Trịnh Minh V mua để bán kiếm lời và không sử dụng giấy tờ giả để phạm tội là không chính xác. Bởi lẽ, lời khai ban đầu của các bị cáo đều thừa nhận hành vi cướp 06 chiếc xe không giấy tờ nêu trên để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Trịnh Minh V khai 06 chiếc xe trên đều do Bị cáo V và Trương Kim P, Mai Thế C, Trần Ngọc T1 và Trần Quang K cướp được. Điều này phù hợp lời khai của các bị cáo khác một cách chi tiết những vụ cướp xe, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội và có bao nhiêu bị cáo tham gia trong từng vụ. Quá trình điều tra cũng đã tiến hành cho từng bị cáo nhận dạng 06 chiếc xe trùng khớp với nhau. Đồng thời, thông tin ghi trên 03 giấy bán xe viết tay do ông Trịnh Văn Hùng cha của Bị cáo V giao nộp cho Cơ quan điều tra đều không có thật. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo Trần Quang K khẳng định chiếc xe nhãn hiệu SH biển số 60B4-743.39 là chiếc xe mà bị cáo cùng với Trịnh Minh V, Mai Thế C, Đoàn Gia Hải T, Trương Kim P và bị cáo Trần Ngọc T1 cướp tại trước cổng trường Đại học Hutech, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Từ nhận định nêu trên và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian ngắn từ háng 9/2019 đến ngày bị bắt 23-11-2019, bị cáo Trịnh Minh V đã cùng Trương Kim P, Mai Thế C, Đoàn Gia Hải T, Trần Ngọc T1 và Trần Quang K đã có hành vi lên trang mạng xã hội tìm những người bán xe gắn máy không giấy tờ để hỏi mua và hẹn họ đem xe đến địa điểm các bị cáo tự chọn để tiến hành mua bán. Các bị cáo điều khiển mô tô, cầm theo các công cụ hỗ trợ (còng số 8) đến điểm hẹn, rồi chặn đầu, khóa đuôi người bán xe. Các bị cáo bàn bạc nếu người bán xe chống cự thì dùng còng số 8 khóa tay lại và lôi lên xe cho 02 bị cáo chở đi bỏ ở dọc đường để chiếm đoạt xe. Bị cáo V xưng là đội trưởng và rút Giấy chứng minh Công an nhân dân (làm giả) giơ trước mặt người bán xe, bị cáo còn lại dùng các công cụ hỗ trợ để khống chế người bán xe, làm cho họ lâm vào tình trạng không thể chống cự được, buộc phải bỏ xe để cho các bị cáo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể: Các bị cáo Trịnh Minh V, Mai Thế C, Trương Kim P, Đoàn Gia Hải T đã có hành vi thực hiện 06 vụ cướp, trị giá 262.376.667 đồng và 7.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn B; bị cáo Trần Ngọc T1 cướp 05 vụ trị giá

208.066.667 đồng và 7.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn B, T1 không tham gia cướp vụ thứ 06 (xe Sonic biển số 62P1-867.89) nhưng lại nói Trần Duy N và Lê Chí T2 đi thay; Mai Thế C, Trương Kim P, Đoàn Gia Hải T có vai trò giúp sức tích cực cho Bị cáo V khi thực hiện tội phạm; Trần Quang K tham gia cướp 01 xe mô tô với trị giá 72.041.667 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn thực hiện cướp khoảng 17 đến 19 chiếc xe mô tô đã bán chiếm đoạt tài sản (chưa điều tra được những ai đã mua xe mà Phát đã bán). Các bị cáo có đầy đủ nhận thức và điều khiển hành vi nhưng cố tình phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và kết án các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Đoàn Gia Hải T, Mai Thế C và Trần Ngọc T1 về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; Trịnh Minh V phạm còn phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341; bị cáo Trần Quang K phạm tội “*Cướp tài sản*” theo điểm a, d, đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vật chất, tinh thần của những người bị hại; gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến uy tín của ngành Công an. Do đó, cần xử phạt mức án nghiêm, tương xứng hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Minh V đã có chứng cứ mới khi xuất trình Giấy khen vì bị cáo đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Đồng thời, có ông, bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù, bị cáo Trịnh Minh V có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng bị cáo là đầu vụ, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo phạm nhiều tội và phạm tội nhiều lần. Do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 24 năm tù về 02 tội là không nặng. Đối với bị cáo Đoàn Gia Hải T tác động gia đình khắc phục hậu quả cho đương sự thay bị cáo số tiền 46.129.444 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần thiết áp dụng để bị cáo T được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật Nhà nước mà cải tạo tốt sớm trở về với xã hội.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Mai Thế C, Trần Ngọc T1 và Trần Quang K. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đoàn Gia Hải T và đề nghị xem xét chứng cứ mới do bị cáo Đoàn Gia Hải T xuất trình của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Do các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Mai Thế C, Trần Ngọc T1 và Trần Quang K không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đoàn Gia Hải T được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí

hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Mai Tiểu Đ về 01 chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, số loại: Sonic 150R; dung tích xi lanh 149,biển số 62 P1-867.89 (số cũ: 68X1-438.03); số khung MH1KB1114HK133788, số máy KB11E-1133343. Mã số: X MAY7/002BB/2021.

II. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Mai Thế C, Trần Ngọc T1, Trần Quang K. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Gia Hải T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2022/HS-ST ngày 25-4-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh V (Hiệu) 20 (hai mươi) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 04 (bốn năm tù) về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trịnh Minh V phải chấp hành một hình phạt chung của 2 tội là 24 (hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ khi bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23-11-2019.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Kim P 15 (mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ khi bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23-11-2019.

3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Mai Thế C 15 (mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ khi bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23-11-2019.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 14 (mười bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ khi bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23-11-2019.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đoàn Gia Hải T 13 (mười ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ khi bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23-11-2019.

5. Áp dụng điểm a, d, đ khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quang K 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ khi bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23-11-2019.

III. Về dân sự: Tiếp tục tạm giữ số tiền 46.129.444 đồng mà bị cáo Đoàn Gia Hải T khắc phục hậu quả để đảm bảo công tác Thi hành án. Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong vòng 01 năm nếu chủ sở hữu, người bị hại hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan số tiền trên không đến nhận thì tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

IV. Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 21, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trịnh Minh V, Trương Kim P, Mai Thế C, Trần Ngọc T1 và Trần Quang K mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đoàn Gia Hải T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 14 - 10 - 2022./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Minh Hoàng Minh Thịnh

Lê Thúy Cầu